

Ngày: 16/9/2022

V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2022/QĐXXST-DS ngày 05/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Trụ sở: Lầu 8, 266 – 268 đường B, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M; Sinh năm: 1991;

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, 266 – 268 đường B, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền số 1340/2020/UQ-TTT ngày 26/10/2020

2. *Bị đơn:* Ông Võ Phương H; Sinh năm: 1982;

Nơi cư trú: Số 1183/57F đường C, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng A có ông Nguyễn Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/04/2019, ông Võ Phương H có ký với Ngân hàng A Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ: Visa

Số thẻ: 472075 – 7740

Hạn mức: 10.000.000 đồng

Ngày ký hợp đồng: 12/4/2019

Lãi suất áp dụng: 2.6%

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.561.400 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng A áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A). Ông H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 50,830,000 đồng (Chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm đã nộp cho Tòa án). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A), ngày 23/04/2020 Ngân

hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A). Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 12.153.806 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A nên Ngân hàng A yêu cầu ông H trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 29/08/2022 là 25,726,006 đồng (Gồm nợ gốc: 12.153.806 đồng, nợ lãi 13.572.200 đồng. Lãi suất áp dụng 3.9% (150% của lãi suất thỏa thuận 2.6%))

Mặc dù Ngân hàng A đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng A cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng A, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng A, Ngân hàng A kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Võ Phương H, như sau:

Buộc Ông Võ Phương H phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/9/2022 là 25,726,006 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn không trăm lẻ sáu đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 12,153,806 đồng
- Lãi quá hạn : 13,572,200 đồng

Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngân hàng A xác định chỉ cho cá nhân ông Võ Phương H vay vốn, không liên quan đến người khác nên Ngân hàng A chỉ yêu cầu cá nhân ông Võ Phương H có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và cũng không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – ông Võ Phương H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, ông H cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông H.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – ông Võ Phương H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 466, 468 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng A khởi kiện ông Võ Phương H yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bị đơn – ông Võ Phương H có đăng ký cư trú tại Quận 8 và trong hồ sơ tín dụng H cũng ký xác nhận địa chỉ tại số 1183/57F đường C, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù theo xác minh của Công an Phường 5, Quận 8 ghi nhận hiện ông H không thực tế cư ngụ tại địa phương. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng A có ông Nguyễn Ngọc M là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông M.

Bị đơn – ông Võ Phương H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều

227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng A với ông Võ Phương H là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Ông Võ Phương H đã được Ngân hàng A đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.561.400 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 50.830.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định pháp luật và thỏa thuận đã ký tại Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 16/9/2022, ông Võ Phương H còn nợ Ngân hàng A số tiền là: 26.010.406 đồng (Hai mươi sáu triệu không trăm mười nghìn bốn trăm linh sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 12.153.806 đồng. Lãi quá hạn: 13.856.600 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn – ông Võ Phương H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Võ Phương H phải chịu là: $26.010.406đ \times 5\% = 1.300.520đ$ (Một triệu ba trăm nghìn năm trăm hai mươi đồng).

- Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 351, 357, Khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Võ Phương H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền vay nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 16/9/2022 là: 26.010.406đ (Hai mươi sáu triệu không trăm mười nghìn bốn trăm linh sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 12.153.806đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn tám trăm linh sáu đồng). Lãi quá hạn: 13.856.600đ (Mười ba triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

Ông Võ Phương H còn phải tiếp tục chịu trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 16/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã được xác lập giữa Ngân hàng A và ông Võ Phương H.

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Võ Phương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.300.520đ (Một triệu ba trăm nghìn năm trăm hai mươi đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 339.790đ (Ba trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0044928 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A và ông Võ Phương H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q8;
- VKSNDQ8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.